

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ORCHARD VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ORCHARD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM ORCHARD GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ORCHARD GROUP., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109441806

**3. Ngày thành lập:** 03/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, tòa C dự án Hà Nội paragon, số 181 Trần Quốc Vượng, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0941060480

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                             | 4791     |
| 2.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                 | 5210     |
| 3.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                           | 5820     |
| 4.  | Hoạt động hậu kỳ (trừ hoạt động sản xuất phim)                                                                                                                                                                              | 5912     |
| 5.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                       | 6201     |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                         | 6202     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                           | 6209     |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                          | 6311     |
| 9.  | Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                      | 6312     |
| 10. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v... | 6399     |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                  | 7020     |
| 12. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm Hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)                                                                                                                                  | 7120     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                             | 7221        |
| 14. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                         | 7320        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất; | 7410        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 18. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                             | 6810(Chính) |
| 19. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                           | 6820        |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                          | 4610        |
| 21. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4632        |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                    | 4651        |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                     | 4652        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                        | 4659        |
| 25. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690        |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                   | 4711        |
| 27. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                      | 4721        |
| 28. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                       | 4722        |
| 29. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                 | 4741        |
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                       | 4781        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 03/12/2020 đến ngày 02/01/2021

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO MINH PHÚ   | Ô 06-BT2-dãy B, KĐT Mỹ Đình 2, TDP số 12, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000.000 | 200.000.000.000       | 40,000    | 042080000372                                                                                |         |
|     |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          | Tổng số                   | 20.000.000 | 200.000.000.000       | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG QUỐC SƠN | 18-dãy B-BT2-ĐT Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 15.000.000 | 150.000.000.000       | 30,000    | 012699088                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          | Tổng số                   | 15.000.000 | 150.000.000.000       | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |            |                                                                         |                           |            |                 |        |           |
|---|------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------|--------|-----------|
| 3 | ĐÀO THỊ HÀ | Thôn Đạo Thượng, Xã Tân Hưng, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  | 013588148 |
|   |            |                                                                         | Cổ phần phổ thông         | 15.000.000 | 150.000.000.000 | 30,000 |           |
|   |            |                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |           |
|   |            |                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |           |
|   |            |                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |           |
|   |            |                                                                         | Tổng số                   | 15.000.000 | 150.000.000.000 | 30,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO MINH PHÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06/04/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 042080000372

Ngày cấp: 28/10/2019

Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ô 06-BT2-dãy B, KĐT Mỹ Đình 2, TDP số 12, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: A18 BT5 KĐT mới Mỹ Đình 2, TDP số 14, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội